TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 345/2022/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 21 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 569/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

+ Chị **Cao Hồng T**, sinh năm: 1997.

+ Anh **Trần Vũ L**, sinh năm: 1983.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Cao Hồng T và anh Trần Vũ L tự nguyện kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Đồng Tháp. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp. Anh chị đã cố gắng khắc phục để xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thể hòa hợp được. Nay, chị T và anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không thể tồn tại nên yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn của chị T và anh L. Chị T và anh L không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn nên ghi nhận.

[2] Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung tên Trần Ngọc Nhã D, sinh ngày 26/8/2020 và Trần Gia H, sinh ngày 02/9/2022. Sau ly hôn, chị T được trực tiếp

trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu D và cháu H cho đến khi tròn 18 tuổi. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Chị T và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Chị T và anh L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm chị T tự nguyện chịu là 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Hồng T và anh Trần Vũ L thuận tình ly hôn. Ghi nhận việc chị T và anh L không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung tên Trần Ngọc Nhã D, sinh ngày 26/8/2020 và Trần Gia H, sinh ngày 02/9/2022. Sau ly hôn, chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu D và cháu H cho đến khi tròn 18 tuổi. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, cha mẹ có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị T và anh L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

- Về nợ chung: Chị T và anh L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí Tòa án: Chị Cao Hồng T tự nguyện chịu là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Do chị T đã nộp số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng theo biên lai số 0010685 ngày 07/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***** Nơi nhận **:**
- TAND tỉnh Bến Tre;

THẨM PHÁN

- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị T Hằng